TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bình

- Bà ĐinH T1hị T1 T1hủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Khối Phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Xuân L, luật sư Văn Phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Số 82, đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hứa H T1, sinh năm: 1980 và ông Lê Văn N, sinh năm: 1976; nơi cư trú: Tổ 1, phường N, thành phố Q. Địa chỉ nơi làm việc: Lô số 3 đường số 2, Khu công nghiệp Q, tổ , phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trìnH T1ố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Đ T trình bày:

Bà Trần Thị Đ T và bà Nguyễn Hứa H T1 là chị em con cô cậu ruột, bà T1 và ông Lê Văn N cần tiền để đáo hạn Ngân hàng nên bà T đã cho vợ chồng bà T1 và ông N mượn số tiền 13.658.000.000 đồng, ông N và bà T1 hẹn thời gian mượn là 5 ngày trả nợ cho bà (ngày 05/7/2022-10/7/2022) nhưng kể từ ngày 11/7/2022 bà T1 và ông N không trả nợ cho bà T. Nay, bà Trần Thị Đ T yêu cầu ông Lê Văn N và bà Nguyễn Hứa H T1 phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 13.658.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Bà T tự nguyện chịu chi phí trưng cầu giám định.

** Bị đơn bà Nguyễn Hứa H T1 trình bày:* Vợ chồng bà có mượn của bà Trần Thị Đ T số tiền 13.658.000.000 đồng, để đáo hạn Ngân hàng nhưng do làm ăn khó khăn nên vợ chồng bà chưa trả được nợ cho bà T. Bà T1 công nhận chữ viết và chữ ký Nguyễn Hứa H T1 và Lê Văn N trong giấy mượn tiền là của bà T1 và ông N. Bà T1 đồng ý trả nợ cho bà Trần Thị Đ T số tiền nợ gốc là 13.658.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Chữ ký, chữ viết Lê Văn N trong giấy mượn tiền (thời hạn mượn 5 ngày, từ ngày 05/7 đến ngày 10/7/2022) mượn của bà Trần Thị Đ T số tiền 13.658.000.000 đồng không phải là chữ ký và chữ viết của ông, ông không đồng ý cùng bà T1 T1rả nợ cho bà T, một mình bà T1 mượn tiền nên bà Thành có trách nhiệm trả nợ cho bà T.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Đ T:

Bà Nguyễn Hứa H T1 ghi giấy mượn tiền của bà Trần Thị Đ T với số tiền 13.658.000.000 đồng vào ngày 05/7/2022, mặc dù tên người mượn tiền không có ông N nhưng ông N là người ký vào giấy mượn tiền, ông N trình bày chữ ký Lê Văn N trong giấy mượn tiền ngày 05/7/2022 không phải là chữ viết, chữ ký của ông Lê Văn N, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định, kết luận giám định chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 05/7/2022 là của ông Lê Văn N. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà T1 và ông N cùng chịu trách nhiệm trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Hứa H T1 và ông Lê Văn N phải trả cho bà Trần Thị Đ T số tiền 13.658.000.000 đồng, bà T không yêu cầu trả lãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định T1ại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Hứa H T1 chưa chấp hành đúng quy địnH T1ại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Lê Văn N không chấp hành đúng quy địnH T1ại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng quy định T1ại Điều 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Hứa H T1 và ông Lê Văn N phải trả cho bà Trần Thị Đ T số tiền nợ vay vào ngày 05/7/2022 là 13.658.000.000 đồng. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranH T1ụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Bà Trần Thị Đ T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hứa H T1, ông Lê Văn N thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản đã được hai bên ký kết. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bị đơn tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Hứa H T1 và ông Lê Văn N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị Đ T yêu cầu ông Lê Văn N và bà Nguyễn Hứa H T1 phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 13.658.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn cung cấp bản gốc Giấy mượn tiền, có nội dung:"*tôi tên Nguyễn Hứa H T1, CMND số 212131906 do Công an Quảng Ngãi cấp ngày 08/8/2023.....có mượn của bà Trần Thị Đ T số tiền là: 13.658.000.000đồng ..",* mục đích đáo hạn ngân hàng, thời hạn mượn 05 ngày (05/7/-10/7/2022", đây được xác định là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật Dân sự, nguyên đơn chỉ yêu cầu trả gốc và không yêu cầu lãi suất nên không xem xét về phần lãi suất.

Bà Nguyễn Hứa H T1 công nhận bà và ông N có vay của bà Trần Thị Đ T số tiền 13.658.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 5 ngày kể từ ngày 05/7/2022 đến ngày 10/7/2022 nhưng do làm ăn khó khăn nên chưa trả được nợ cho bà T. Ông N tuy không có tên trên người vay nhưng tại phần cuối của Giấy mượn tiền ông N có ký, ghi họ tên vào giấy này, bà T1 công nhận chữ ký, chữ viết Lê Văn N, Nguyễn Hứa H T1 là của vợ chồng bà và đồng ý trả nợ cho bà T số tiền nợ gốc 13.658.000.000 đồng. Về phía ông N cho rằng: Chữ ký, chữ viết Lê Văn N trong giấy mượn tiền (thời hạn mượn 5 ngày, từ ngày 05/7/2022 đến ngày 10/7/2022) mượn của bà Trần Thị Đ T số tiền 13.658.000.000 đồng không phải là chữ ký và chữ viết của ông, ông không đồng ý cùng bà T1 T1rả nợ cho bà T, một mình bà T1 mượn tiền nên bà T1 có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông N không có tên trong giấy mượn tiền nêu trên nhưng tại phần cuối của giấy mượn tiền ông N có ký và ghi rõ họ tên điều này có nghĩa ông N có mặt vào ngày bà T1 mượn tiền của bà T, thống nhất với việc mượn tiền của bà T1 nên mới ký vào giấy mượn tiền. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành trrưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Lê Văn N, Kết luận giám định số: 521/KL-KTHS ngày 21/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh

Quảng Ngãi kết luận: Chữ viết, chữ ký tên Lê Văn N trên tài liệu cần giám định là "Giấy mượn tiền" đề ngày 05/7/2022 (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký của ông N trên các tài liệu mẫu so sánh "HỢP ĐỒNG MƯỢN TIỀN" đề ngày 24/7/2022, bên cho mượn là bà Trần Thị Đ T (ký hiệu M1); "HỢP ĐỒNG MƯỢN TIỀN" đề ngày 24/7/2022 bên cho mượn là ông Trần Văn Lợi (ký hệu M2); "BẢN TỰ KHAI" ngày 25/4/2023 (ký hiệu M3) và 'BIÊN BẢN GIAO NHẬN" ngày 25/4/2023 (ký hiệu M4) là do một người viết, ký ra. Ngoài ra, không có tài liệu nào chứng minh ông N bị đe dọa, ép buộc phải ký vào giấy mượn tiền nêu trên.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và tại khoản 4 điều này quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ việc"*. Do đó, bà Trần Thị Đ T yêu cầu bà Nguyễn Hứa H T1 và ông Lê Văn N cùng trả 13.658.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về chi phí trưng cầu giám định 4.000.000 đồng, bà T tự nguyện chịu và đã chi phí xong.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà T. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Ý kiến của người dại diện quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, 93, khoản 1 Điều 95, 147, 161, khoản 2 Điều 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 116, 117, khoản 1 Điều 119, 351, 357, 463, 466, 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Hứa H T1 và ông Lê Văn N phải trả cho bà Trần Thị Đ T số tiền 13.658.000.000 đồng (mười ba tỷ, sáu trăm năm mươi tám triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Hứa H T1, ông Lê Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 121.658.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Đ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.829.000 đồng theo Biên lai thu số 0003783 ngày 08/11/2022 tại Chi cục T hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3. Về chi phí trưng cầu giám định 4.000.000 đồng bà Trần Thị Đ T tự nguyện chịu và đã chi phí xong.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan T hành án có quyền chủ động ra quyết địnH T1hi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy địnH T1ại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được T hànH T1heo quy địnH T1ại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy địnH T1ại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy địnH T1ại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan